TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2019/HS-ST
Ngày: 05-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hòa Bình;

Ông Nguyễn Như Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2019/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/HSST-QĐ ngày 20/8/2019 đối với bị cáo họ và tên:

Huỳnh Văn H, tên gọi khác:/; giới tính: Nam; sinh năm 1996 tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn T và bà Ngô Thị H1; chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2019, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Lâm Văn D, sinh năm: 1999; nơi cư trú: Đường T, xã K, huyện B, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Đường T, Khu phố 2, phường P, quận B, Tp. HCM; (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thanh H2, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Khu phố H, phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

3. Ông Đỗ Hoàng Anh K, sinh năm: 1990; nơi cư trú: Đường B, phường S, quận T, Tp. Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

4. Ông Lê Thiên P, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Đường G, ấp T, xã H, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

5. Ông Mai Việt A, sinh năm: 1995; nơi cư trú: Đường G, ấp T, xã H, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh; (vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Hoài T2, sinh năm: 1996; nơi cư trú: Khu phố T, phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn H thời gian trước đây làm thợ sửa xe tại tiệm L, đường B, khu phố T, phường N, quận B, sau đó nghỉ việc. Ngày 11/4/2019, anh Nguyễn Hoài T2 nhờ H sửa giúp chiếc xe gắn máy biển số 59T1 – 657.95. H mang xe máy trên đến tiệm L mượn dụng cụ tự sửa xe. Tại đây, H mượn xe máy hiệu Yamaha Luvias, biển số 59T1 – 656.22 của anh Lâm Văn D đi mua phụ tùng thay thế. Do đó, H biết anh D để chìa khóa của chiếc xe Yamaha trong lon sắt cạnh tủ đồ nghề.

Khoảng 08 giờ, ngày 12/4/2019, H quay lại tiệm tiếp tục sửa xe máy biển số 59T1 – 657.95 của anh T2. Biết chỗ anh D để chìa khóa xe và biết anh để giấy tờ của chiếc xe trong cốp xe nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc anh D sơ hở, H lén lút lấy chìa khóa xe trong lon sắt cạnh tủ đồ nghề rồi lấy trộm xe máy hiệu Yamaha Luvias, biển số 59T1 – 656.22 chạy đi. Chạy được một đoạn, H mở cốp xe thấy có 01 cái bóp nam hiệu SEN, bên trong có: giấy đăng ký xe máy biển số 59T1 – 656.22 mang tên Đỗ Hoàng Anh K, chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Lâm Văn D, 01 bảo hiểm xe máy biển số 59T1 – 656.22. H mang xe máy hiệu Yamaha Luvias, biển số 59T1 – 656.22, giấy đăng ký xe đến tiệm cầm đồ E tại đường G, xã H, huyện C cầm cho anh Mai Việt A với giá 7.000.000 đồng. Còn cái bóp nam hiệu SEN, chứng minh nhân dân và giấy phép lấy xe tên Lâm Văn D, bảo hiểm xe máy biển số 59T1 – 656.22 H giữ lại.

Do không thấy H mang xe tới trả và cũng không liên lạc được với H nên anh Nguyễn Hoài T2 đi tìm. Khoảng 08 giờ ngày 17/4/2019, anh T2 nhìn thấy xe máy biển số 59T1 – 657.95 trong tiệm sửa xe L và được biết H lấy trộm xe máy biển số 59T1 – 656.22 của Anh D. Anh T2 trình giấy đăng ký chứng minh xe máy biển số 59T1 – 656.22 là của mình. Sau đó, anh D đến Công an phường Bình Thuận trình báo. Đến ngày 20/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 tiến hành truy xét, mời H về làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Huỳnh Văn H khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe máy hiệu Yamaha Luvias, biển số 59T1 – 656.22 là tài sản bị chiếm đoạt. Qua xác minh xe do anh Đỗ Hoàng Anh K đứng tên chủ sở hữu. Tháng 6/2018, anh K bán xe máy trên cho anh Huỳnh Ngọc T3. Tháng 01/2019, anh T3 bán xe máy trên cho anh Lâm Văn D, các bên chưa làm thủ tục sang tên, giấy đăng ký xe vẫn mang tên Đỗ Hoàng Anh K.

Theo Kết luận định giá tài sản số 96/KL-HĐĐGTTHS ngày 25/4/2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7: 01 xe máy hiệu Yamaha Luvias, biển số 59T1 – 656.22, tính đến thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- 01 cái bóp nam hiệu SEN, 01 giấy đăng ký xe máy biển số 59T1 – 656.22 mang tên Đỗ Hoàng Anh K, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lấy xe tên Lâm Văn D, 01 bảo hiểm xe máy biển số 59T1 – 656.22. Đây là tài sản, giấy tờ cá nhân anh D để trong cốp xe máy. Đối với cái bóp nam hiệu SEN, anh D sử dụng lâu, đã cũ nên không yêu cầu định giá xác định giá trị chiếc bóp. Ngày 01/6/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe máy, bóp, giấy tờ cá nhân cho anh D.

- 01 chiếc xe gắn máy biển số 59T1 – 657.95 do anh Nguyễn Hoài T2 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Anh T2 nhờ H sửa xe giúp và H để lại trong tiệm sửa xe Trọng Lợi. Ngày 10/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe cho anh T2.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Lâm Văn D nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không có yêu cầu gì khác.

- Anh Mai Việt A yêu cầu H bồi thường số tiền 7.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 116/CT-VKSQ7 ngày 15/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận các hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố; bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Việt A số tiền 7.000.000 đồng theo yêu cầu.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 48; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Việt A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý nên đề nghị buộc cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho anh Việt A.

Xử lý vật chứng: Đối với tài sản chiếm đoạt, giấy tờ cá nhân của anh D, Cơ quan Điều tra đã thu hồi và trả cho người bị hại. Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59T1 – 657.95 là tài sản của anh T2, Cơ quan Điều tra trả lại cho anh T2 là có căn cứ.

Tiếp tục thu và lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa CD – ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Kết luận định giá tài sản số 96/KL-HĐĐGTTHS ngày 25/4/2019 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe máy hiệu Yamaha Luvias, biển số 59T1 – 656.22, có giá trị là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Do đó, đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 7.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Việt A nên ghi nhận, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho anh Việt A.

[5] Xử lý vật chứng:

- Chiếc xe máy hiệu Yamaha Luvias, biển số 59T1 – 656.22; 01 cái bóp nam hiệu SEN, 01 giấy đăng ký xe máy biển số 59T1 – 656.22 mang tên Đỗ Hoàng Anh K, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lấy xe tên Lâm Văn D, 01 bảo hiểm xe máy biển số 59T1 – 656.22. Đây là tài sản, giấy tờ, vật dụng cá nhân của anh D bị chiếm đoạt. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh D là có căn cứ.

- 01 chiếc xe gắn máy biển số 59T1 – 657.95 do anh Nguyễn Hoài T2 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Anh T2 nhờ bị cáo sửa xe giúp, bị cáo bỏ lại trong tiệm sửa xe L. Ngày 10/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe cho anh T2 là có cơ sở.

- Đối với đĩa CD ghi hình và ghi âm hỏi cung bị cáo, tiếp tục thu và lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Huỳnh Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2019.

2. Căn cứ vào Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 585, 587 Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Thu và lưu giữ trong hồ sơ vụ án dĩa CD ghi hình và ghi âm hỏi cung bị cáo.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Mai Việt A số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 350.000 (ba trăm năm mươi ngàn) đồng.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày anh Mai Việt A có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bị cáo phải trả nêu trên; nếu bị cáo chậm thi hành thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Loan)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong